

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2026/HNGĐ-ST

Ngày 22/01/2026

Về việc: “Ly hôn, giao nuôi con chung
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Hùng và ông Phạm Văn Vượng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Thế Anh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1-Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Ngọc Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 22/01/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 143/2025/TLST-HNGĐ, ngày 06/10/2025 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10/12/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 80/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 31/12/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Đỗ Thị L**, sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn Đ, phường X, tỉnh Phú Thọ (có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Đỗ Thanh N**, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn C, xã S, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị L và anh Đỗ Thanh N kết hôn với nhau vào năm 2023, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 10/01/2023 tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là UBND phường X, tỉnh Phú Thọ), (*Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2023, ngày 10 tháng 01 năm 2023 tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc*). Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống, làm việc tại thôn C, xã S cùng với gia đình nhà chồng. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, tháng 9 năm 2025

chị Đỗ Thị L có đơn khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Thanh N.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đỗ Thị L trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn là trong cuộc sống hai vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hợp nhau, không có tiếng nói chung, không còn quan tâm, chia sẻ, đời sống chung không có hạnh phúc, anh N ham chơi nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích.... mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, không có hạnh phúc. Trong thời gian mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình nhiều lần hoà giải nhưng không có kết quả. Hiện nay chị và anh N đang sống ly thân được một thời gian. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Toà án nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Thanh N.

- Về con chung: Chị Đỗ Thị L xác định có 01 người con chung là Đỗ Minh Q, sinh ngày 22/6/2023. Quá trình giải quyết chị L có quan điểm nhận là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Q, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị L xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị Đỗ Thị L xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

Kết quả xác minh thể hiện: Chị Đỗ Thị L có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, phường X, tỉnh Phú Thọ và anh Đỗ Thanh N có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã S, tỉnh Tuyên Quang. Chị L và anh N kết hôn với nhau vào năm 2023, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là UBND phường X, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại thôn C, xã S, tỉnh Tuyên Quang cùng với gia đình nhà anh Đỗ Thanh N. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, suy nghĩ không hiểu nhau, vợ chồng mới lấy nhau nên kinh tế gia đình khó khăn, công ăn việc làm không ổn định, nên dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi vã, xích mích. Vợ chồng hiện sống ly thân từ giữa năm 2025. Mâu thuẫn đã được gia đình nhiều lần hoà giải nhưng không thành. Hiện tại anh Đỗ Thanh N không có mặt tại địa phương. Anh N là lao động tự do, hiện đang đi làm lao động tự do ngoài tỉnh Tuyên Q1, anh N vẫn thường xuyên về nhà khi được nghỉ lễ, tết và gia đình có việc.

Anh Đỗ Thanh N làm lao động tự do ở ngoài tỉnh Tuyên Quang, không có mặt tại địa phương. Toà án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần anh N vẫn không đến Toà án làm việc. Do vậy Toà án nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang chỉ tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ với nguyên đơn và không tiến hành hoà giải được.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát khu vực 1 – Tuyên Quang

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn anh Đỗ Thanh N không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Chị Đỗ Thị L và anh Đỗ Thanh N kết hôn vào năm 2023 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc (nay UBND phường X, tỉnh Phú Thọ) là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Do vậy, căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX xử cho chị Đỗ Thị L được ly hôn với anh Đỗ Thanh N; giao cháu Đỗ Minh Q, sinh ngày 22/6/2023 cho chị Đỗ Thị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Đỗ Thị L xác định không có, không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện chị Đỗ Thị L đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Thanh N và giao nuôi con chung khi ly hôn; không đề nghị giải quyết về tài sản chung, về vay nợ chung. Anh Đỗ Thanh N đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã S, tỉnh Tuyên Quang. Do vậy, quan hệ pháp luật ở đây được xác định là “*Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã triệu tập anh Đỗ Thanh N nhiều lần nhưng anh N không đến làm việc, đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Đỗ Thanh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị L và anh Đỗ Thanh N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là UBND phường X, tỉnh Phú Thọ) vào ngày

10/01/2023 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, anh N ham chơi không quan tâm tới gia đình nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ giữa năm 2025 đến nay. Tháng 9 năm 2025 chị Đỗ Thị L có đơn khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Thanh N.

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của chị Đỗ Thị L và anh Đỗ Thanh N có hạnh phúc thời gian đầu sau phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, không hạnh phúc nên xác định hôn nhân của chị L và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Đỗ Thị L được ly hôn với anh Đỗ Thanh N.

2.2. Về con chung: Chị Đỗ Thị L và anh Đỗ Thanh N có 01 con chung là Đỗ Minh Q, sinh ngày 22/6/2023.

Xét thấy, cháu Đỗ Minh Q là con chung của chị Đỗ Thị L và anh Đỗ Thanh N nên anh chị đều cùng phải có nghĩa và trách nhiệm đối với cháu. Do cháu Q hiện chưa đủ 36 tháng tuổi, anh N không có mặt ở địa phương, quá trình giải quyết chị L có quan điểm được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Q và không yêu cầu anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và đảm bảo quyền lợi của các đương sự sau khi ly hôn, căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cần giao cháu Đỗ Minh Q, sinh ngày 22/6/2023 cho chị Đỗ Thị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Đỗ Thanh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị L xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về vay nợ chung: Chị Đỗ Thị L xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Đỗ Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị L được ly hôn với anh Đỗ Thanh N.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2023, ngày 10 tháng 01 năm 2023 tại UBND xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là UBND phường X, tỉnh Phú Thọ))

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Minh Q, sinh ngày 22/6/2023 cho chị Đỗ Thị L là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Đỗ Thanh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số: 0000623, ngày 06/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị Đỗ Thị L đã nộp đủ án phí của vụ án.

Anh Đỗ Thanh N không phải nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND khu vực 1;
- T.H.A dân sự tỉnh TQ;
- UBND phường X, tỉnh PT (Nơi ĐKKH);
- UBND xã S, tỉnh TQ (để biết);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tạ Hồng Chiến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Văn Hùng – Phạm Văn Vượng

Tạ Hồng Chiến

